

Bản án số: 28/2024/DS-ST  
Ngày: 29-5-2024  
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hòa;

Ông Nguyễn Văn Độ;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ: 2, đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Vũ Bích T, sinh năm 1978; nơi thường trú: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 19/2024/GUQ-PGDBB ngày 16 tháng 5 năm 2024), vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ D, ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 01 năm 2024, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trình bày:

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, ông Nguyễn Văn H được Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng S1) cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 100.000.000 đồng theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 17 tháng 01 năm 2022 kèm theo bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S1. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch và các khoản thanh toán với tổng số tiền là 114.461.016 đồng, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng S1 số tiền là 27.350.000 đồng. Ngân hàng S1 nhiều lần nhắc nhở ông H thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng ông H không hợp tác. Đến ngày 10 tháng 12 năm 2013, Ngân hàng S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng, chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngân hàng S1 buộc ông Nguyễn Văn H phải trả số tiền là 87.111.016 đồng và lãi phát sinh sau ngày 29 tháng 01 năm 2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, ông H không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng S1 và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng S1 có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời gửi bảng kê tính lãi khách hàng Nguyễn Văn H đến ngày 29 tháng 5 năm 2024 như sau: Tổng số nợ còn phải thanh toán của ông Nguyễn Văn H là 101.716.716 đồng, trong đó: nợ gốc là 80.000.000 đồng, nợ lãi là 46.049.972 đồng, phí trễ hạn là 3.016.744 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

+ Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 của BLTTDS. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 của BLTTDS.

+ Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 của BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo quy định tại Điều 203 của BLTTDS và thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán được quy định tại Điều 48 và khoản 2 Điều 203 của BLTTDS.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 63, 239, 243, 249, 258, 260 của BLTTDS. Thư ký tuân theo các Điều 51 và Điều 237 của BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng cũng như tham gia phiên tòa tuy nhiên bị đơn vắng mặt không cung cấp các giấy tờ thể hiện ý kiến của bị đơn. Căn cứ vào những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ việc theo quy định tại các Điều 227, 228 của BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ngày 17 tháng 01 năm 2022, ông Nguyễn Văn H ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng tín dụng). Ông H ký tên vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng thẻ hiện ý chí tự nguyện giao kết hợp đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho ông H với hạn mức 100.000.000 đồng để tiêu dùng vào mục đích cá nhân. Hợp đồng tín dụng giữa các bên thể hiện dưới hình thức văn bản, nội dung thỏa thuận rõ về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, phương thức trả gốc và lãi, quyền và nghĩa vụ của các bên, tuân thủ quy định về phạm vi hoạt động, lãi suất, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng và phù hợp với Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng yêu cầu ông H thanh toán số tiền gốc là 80.000.000 đồng, phí trễ hạn và lãi suất theo quy định đến thời điểm xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 90, 91, khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện ông Nguyễn Văn H tranh chấp về hợp đồng tín dụng, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản

### 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại ấp T, ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là bà Trần Ngọc D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### [2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Ngày 17 tháng 01 năm 2022, ông Nguyễn Văn H được Ngân hàng S1 cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 100.000.000 đồng theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 17 tháng 01 năm 2022 và điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S1 có hiệu lực ngày 22 tháng 10 năm 2022. Thông tin loại thẻ tín dụng: Visa Classic. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch và các khoản thanh toán với tổng số tiền là 114.461.016 đồng, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng S1 số tiền là 27.350.000 đồng. Ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đến ngày 10 tháng 12 năm 2013, Ngân hàng S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng, chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Cho đến ngày 29 tháng 5 năm 2024, ông Nguyễn Văn H còn nợ Ngân hàng S1 số tiền là 101.716.716 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án: bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, được xem đã từ bỏ quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh và trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà Ngân hàng S1 đưa ra, do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân giữa các bên thể hiện bằng văn bản, nội dung thỏa thuận cụ thể về số tiền được cấp, lãi suất, phương thức trả gốc và lãi, quyền và nghĩa vụ của các bên, tuân thủ quy định về phạm vi hoạt động, lãi suất, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng và phù hợp với Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

[2.3] Ông Nguyễn Văn H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ đúng hạn là vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã giao kết. Tại phiên tòa, Ngân hàng S1 yêu cầu Nguyễn Văn H phải thanh toán tổng số tiền là 101.716.716 đồng (trong đó: nợ gốc là 80.000.000 đồng, nợ lãi là 46.049.972 đồng, phí trễ hạn là 3.016.744 đồng) là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng

[2.4] Ngân hàng S1 yêu cầu ông H trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 17 tháng 01 năm 2022, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Xét, yêu cầu của Ngân hàng S1 là phù hợp nội dung “...kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay” được quy định tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ các phân tích nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn Ngân hàng S1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 90, 91, khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với bị đơn ông Nguyễn Văn H về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

- Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền là 101.716.716 (một trăm lẻ một triệu bảy trăm mười sáu nghìn bảy trăm mười sáu) đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 17 tháng 01 năm 2022 và điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S1 có hiệu lực ngày 22 tháng 10 năm 2022.

2. Về án phí:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 2.177.775 (hai triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003422 ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Ông Nguyễn Văn H phải nộp 5.085.835 (năm triệu không trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ánh Tuyết**